

PHẠM QUỲNH VỚI VẤN ĐỀ PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1920

ĐOÀN ÁNH DƯƠNG^(*)

Tóm tắt: Các diễn đàn báo chí ở Việt Nam những thập niên đầu thế kỉ XX ghi dấu sự trỗi dậy mạnh mẽ của vấn đề phụ nữ. Phạm Quỳnh đã chủ động tham gia vào cuộc thảo luận này bằng việc trực tiếp trình bày quan niệm của mình và dẫn dắt dư luận thông qua việc tổ chức bài vở trên *Nam Phong tạp chí* (1917-1934) do ông chủ trương. Bài viết tập trung tìm hiểu quan niệm và cách thức mà Phạm Quỳnh tiếp cận vấn đề phụ nữ trong các thực hành văn hóa của ông. Trên cơ sở đó, đặt các thực hành văn hóa ấy trong tình thế thuộc địa, bài viết thảo luận về vai trò và vị trí của vấn đề phụ nữ trong dự án dân tộc chủ nghĩa của Phạm Quỳnh cũng như trong hình dung của ông về ảnh tượng một nước Việt Nam mới cần được kiến tạo.

Từ khóa: Phạm Quỳnh, *Nam Phong tạp chí*, vấn đề phụ nữ, dự án dân tộc chủ nghĩa.

Abstract: Motivated by the interest in the subject of women in the early 1920s, Phạm Quỳnh actively raised public awareness about women's rights through *Nam Phong*, a journal that he edited, between 1917 and 1934. This paper is focused on his conception of women as well as his approach to cultural practices. In contextualizing these practices in colonial rule, the paper discusses the role and position of women in his nationalist agenda as well as in his national imaginary of new Vietnam.

Keywords: Phạm Quỳnh, *Nam Phong*, question of women, nationalist agenda.

Dẫn nhập

Các thảo luận về vấn đề phụ nữ ở Việt Nam trong khoảng ba mươi năm đầu thế kỉ XX, dưới hình thức này hay hình thức khác, đều tìm cách kết nối với vấn đề dân tộc và thuộc địa. Việc đấu tranh cho quyền phụ nữ và nữ quyền, vì vậy, thường được gắn với cuộc đấu tranh đòi nhân quyền và chủ quyền. Theo đó, khuyến khích nữ học hay cung cấp những tri thức vì sự tiến bộ của họ - như một chủ điểm quan trọng và xuyên suốt những năm tháng này, luôn nằm trong lộ trình của việc canh tân đất nước nói chung. Trong số các trí thức bản địa tiêu biểu luôn tranh trở với tiền đề dân tộc ở giai đoạn này, Phạm Quỳnh đã sớm đưa vấn đề phụ nữ vào trong nghị trình cải cách xã hội trong dự án dân tộc chủ nghĩa mà ông kiến thiết. Đã có những

nghiên cứu đặt nền tảng cho việc tiếp cận vấn đề phụ nữ ở Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX [4, 5, 10, 3], trong đó có những nghiên cứu tập trung sự chú ý vào quan niệm của Phạm Quỳnh về vấn đề phụ nữ [10, tr.88-113]. Tuy nhiên, các nghiên cứu này đều chưa đặt các thảo luận về vấn đề phụ nữ trong mối tương quan chặt chẽ với vấn đề dân tộc trong tình cảnh thuộc địa. Vì thế, vẫn còn cả khoảng trống phía trước cho các nghiên cứu về quan niệm và cách thức kết nối phụ nữ vào cộng đồng Việt Nam ở đầu thế kỉ XX, nơi mà trước kia chưa bao giờ họ được chính thức công nhận và hiện diện.

Vấn đề phụ nữ hiện diện trong dự án quốc gia - dân tộc của Phạm Quỳnh thể hiện ở ba khía cạnh chính: 1) trực tiếp qua các quan điểm được trình bày trong các bài viết, bài nói của Phạm Quỳnh; 2) gián tiếp qua các bài viết về vấn đề phụ nữ được Phạm Quỳnh duyệt đăng

^(*) TS. - Viện Văn học.

Email: anhduong911@gmail.com.

trên *Nam Phong tạp chí* (1917-1934) do ông chủ trương và điều hành; 3) hiện diện như một trong các chủ đề của các thảo luận về văn hóa, xã hội, tư tưởng, chính trị,... liên quan đến việc nhận định và lựa chọn đường hướng, mô hình xây dựng quốc gia - dân tộc. Ở khía cạnh thứ nhất, Phạm Quỳnh tuy không viết nhiều bài trực tiếp bàn luận đến vấn đề phụ nữ nhưng những bài viết này giữ một vị trí quan trọng không thể tách rời với dự án quốc gia - dân tộc mà ông chủ trương. Ở khía cạnh thứ hai, *Nam Phong tạp chí* là diễn đàn sôi nổi của các thảo luận đa dạng về vấn đề phụ nữ, là tờ diễn đàn sớm công bố các trước tác của phụ nữ Việt Nam. Ở khía cạnh thứ ba, trong tình cảnh thuộc địa, phụ nữ đã hiện diện và được nhìn nhận không đơn thuần như là một giới xã hội mới nổi mà còn như một ẩn dụ chính trị. Vì thế, vấn đề phụ nữ luôn hiện diện rõ rệt hoặc lẫn khuất đâu đó trong các thảo luận có liên quan đến vấn đề quốc gia - dân tộc. Trên *Nam Phong tạp chí*, có rất nhiều những thảo luận như thế này, mà cuộc tranh luận xung quanh *Truyện Kiều* đã được tôi đề cập trong một bài viết gần đây [2, tr.61-70], là một ví dụ điển hình. Tiếp tục mạch khảo sát vấn đề phụ nữ trong quan niệm và thực hành văn hóa của Phạm Quỳnh, gác sang một bên những ý kiến đa dạng được đăng tải trên *Nam Phong tạp chí*, bài viết này tập trung tìm hiểu quan điểm trực tiếp của Phạm Quỳnh về vấn đề phụ nữ. Từ đó, thông qua trường hợp Phạm Quỳnh, bài viết tập trung vào cách thức mà các nhà dân tộc chủ nghĩa ở Việt Nam trong khoảng 30 năm đầu thế kỉ XX tiếp cận vấn đề phụ nữ trong các hoạt động báo chí và văn chương của họ. Một nghiên cứu như thế sẽ góp phần thích đáng vào việc hiểu

biết và lí giải nguồn gốc và những biểu kiến của ý thức dân tộc, cũng như các ảnh hưởng về một nước Việt Nam hiện đại ở đầu thế kỉ XX.

“Sự giáo dục đàn bà con gái”

Phạm Quỳnh sớm dành sự quan tâm tới vấn đề phụ nữ. Ngay trong những số đầu tiên của *Nam Phong tạp chí*, ông đã đăng bài “Sự giáo dục đàn bà con gái”, một bài viết quan trọng thảo luận về vấn đề nữ học (*Nam Phong tạp chí* (NPTC), số 4 (10/1917), tr.207-221). Tập trung vào vấn đề nữ học, chủ điểm đang được dư luận hết sức quan tâm, bài viết này đã có được sự hồi ứng tri thức đáng kể từ các trí thức bản địa lúc bấy giờ.

Mở đầu bài viết, Phạm Quỳnh dẫn bài thơ cổ của Quách Phác nước Tàu:

*Chàng như mây mùa thu,
Thiếp như khói trong lò,
Cao thấp nhẽ có khác,
Một thả cùng tuyết vời.*

Phạm Quỳnh nhận thấy trong bài thơ đây ý vị ấy một quan niệm nhân sinh về phụ nữ. Ở đây, phụ nữ là “khói” trong tương quan với đàn ông là “mây”, vì thế “địa vị có khác nhau mà thiên chất thực là một”. Song vì sao đã giống nhau về “thiên chất” như thế mà “từ xưa đến nay, dù nước nào cũng vậy, đàn ông vẫn được trọng mà đàn bà phải chịu khinh”? Đặt câu hỏi như thế rồi Phạm Quỳnh tự trả lời, khói thủy “chẳng qua đó là bởi nhẽ yếu mệnh tự nhiên” rồi qua quá trình phát triển “các xã hội đặt pháp luật, dựng luân lý, cứ chuẩn y cái địa vị lúc ban đầu mà nhận thành một công lệ thiên nhiên”. Người đàn bà vì thế, chịu hai lần thiệt thòi, về cả đường sinh học và cả đường xã hội. Tất cả khiến cho “lịch sử các dân

các nước đời xưa đời nay về khoản thân phận người đàn bà trong xã hội, thực là lắm đoạn thâm trầm”, đồng thời ngược lại, theo Phạm Quỳnh, cái sử chí bị đàn áp ấy cũng “biểu dương mà lưu truyền đến thiên vạn cổ cái ô danh ô hạnh của giống đực ta” (NPTC, số 4 (10/1917), tr.207).

Xuất phát từ tư cách đàn ông và vấn đề đặt địa vị mình trong “giống đực”, nhưng điều gì khiến Phạm Quỳnh chất vấn cái “công lệ thiên nhiên” đặt định địa vị yếu hèn cho phụ nữ, cảm thấy hổ thẹn vì cái lịch sử “ô danh ô hạnh của giống đực ta” nếu nhìn từ thân phận người đàn bà trong xã hội? Ấy là bởi ông chịu ảnh hưởng của “thuyết đàn ông đàn bà bình đẳng” được xướng lên trong văn minh Âu Tây thời cận đại, cái dấu mốc mà nhìn từ thân phận người phụ nữ, có thể xem như là bước ngoặt “mở mang ra một thế giới mới”. Từ bước ngoặt ấy, trong hình dung của Phạm Quỳnh:

“Từ xưa thế giới là của riêng của đàn ông, từ nay thế giới là của chung cả đàn bà. Đàn bà tuy không làm những sự nghiệp nhón nhao, biến cái mặt địa cầu, nhưng cái thế lực trong gia đình, trong xã hội đậm thấm mà sâu xa biết chừng nào! Ai cũng biết văn minh của các nước Thái Tây ngày nay vừa có sức mạnh mẽ mà vừa có vẻ thanh tao, vẻ này điều hòa cho sức kia được mềm mại êm đềm, khỏi thành ra cái võ lực thô bỉ mà tàn bạo. Cái sức mạnh mẽ ấy là công của đàn ông đặt máy móc, lập công trình, đào sông xẻ núi, lội bể vượt không; cái vẻ thanh tao kia là công của đàn bà, trong vẻ vật chất cạnh tranh ngày nay, gây thành một chốn bông lai tiên đảo, gồm hết cái ái tình, cái phong thú của đời người mà bày ra những cảnh nên thơ nên mộng. Người ta ở trong một thế giới chỉ om sòm những tiếng máy móc, nông nản những

khí cạnh tranh, thì sống sao được? Phải có lúc được nghe giọng hát véo von, cung đàn diu dặt, trông bóng giăng mà không ghen đến chị Hằng,

Hằng Nga đã bỏ cung mây xuống trần,

thì mới giải được mọi sự phiền muộn, thư thái được cái tinh thần mà di dưỡng được tính tình.

Ấy cái thiên chức của người đàn bà ở đời như thế” (NPTC, số 4 (10/1917), tr.208).

Trên thế giới, các nước văn minh đã chú trọng đường giáo dục cho đàn bà con gái. Vậy, ở nước Nam thì sao? Phạm Quỳnh xét ở cả khía cạnh lịch đại và đồng đại để thấy rằng sự giáo dục đàn bà con gái là một vấn đề đã trở nên cấp thiết. Bởi thứ nhất, ngó lại lịch sử, Phạm Quỳnh nhận thấy người đàn bà nước Nam “từ xưa đến nay vẫn được cái địa vị xứng đáng trong xã hội”. Đàn bà cũng có vai trò trong gia đình, ngoài xã hội, cũng được yêu mến quý trọng, tục truyền bảo ban dạy dỗ đủ nét hay đức tốt khu xử trong ngoài, dù có một thực tế là “không bao giờ” các cụ “chủ mở mang trí thức cho đàn bà con gái cũng được hiểu nghĩa lý như đàn ông”. Không những thế, “đàn bà nước Nam lại có lắm tư cách hay: linh lợi mà can đảm, cần mẫn mà khôn ngoan, xưa nay đã có tiếng giỏi về đường kinh tế. Cuộc thương nghiệp trong nước phần nhiều là ở trong tay các bà. Để cả thế giới không đâu có cái cảnh rất đáng kính đáng phục là cảnh người vợ học trò nuôi chồng đi học - học suốt đời, vì sự học ở nước ta không có thời hạn, - một mình tần tảo mà cung cấp được cả một nhà, trên cha mẹ, dưới lũ con”. Vì thế, theo Phạm Quỳnh, “một nước có những đàn bà giỏi như thế, sao nữ nhãng bỏ mà không chăm chút việc giáo dục, khiến cho thành nhân cách

hoàn toàn, xứng đáng với cái tư chất chót, với địa vị cao trong xã hội” (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.208-209). Thứ hai, ngó vào hiện tình xã hội, Phạm Quỳnh thấy sự giáo dục đàn bà con gái càng trở nên bức thiết. Bởi, “ngày xưa Nho học giới nghiêm về đường đạo đức, người đàn bà đâu không có học cũng chịu cái cảm hóa trong gia đình mà đủ giữ được phẩm hạnh” trong khi “lòng đạo đức trong quốc dân ta ngày nay... mỗi ngày một nguội đi”, nó gây hại “cho đàn ông một mà đàn bà mười”. Từ cái nhìn luân lí, Phạm Quỳnh cho rằng “phẩm hạnh người đàn ông kém cái hại cho xã hội thực là to” nhưng “hại ấy cũng chưa bằng là phẩm hạnh của người đàn bà hư” vì “đàn bà hư là cái hại đến nguồn gốc xã hội vậy” (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.209-210). Tất cả những lí lẽ và phân tích lập luận như trên được Phạm Quỳnh dùng để giải thích về một ý tưởng mới mà ông muốn khuyến khích:

“một đấng cái tư tưởng mới của thế giới văn minh ngày nay, chủ trương cái thuyết đàn ông đàn bà bình đẳng, giục giã ta phải lưu tâm vào sự giáo dục đàn bà con gái, khiến cho người đàn bà ở đời bây giờ cũng được cái địa vị, cái nhân cách tương đương với đàn ông; một đấng thì bởi nền đạo đức cũ suy đồi, cái tình thế riêng trong xã hội ta khiến cho người đàn bà khó biết nương tựa vào đâu mà giữ được phẩm hạnh, để mắc những phong thói bại hoại ngày nay, cần phải giáo dục cho phải đường mới có đủ tư cách mà tự thủ tự chủ được.

Hai phương diện ấy tuy khác nhau, nhưng cứ đó mà suy, cái kết luận đều là cần phải cho đàn bà con gái được học, biết nghĩa lý mà suy xét điều nọ nễ kia, không thể để mang nhiên như xưa được nữa.” (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.208).

Với một trải nghiệm mới đến từ thế giới phương Tây (tất nhiên vẫn lưu vết kinh nghiệm biện biệt giới quen thuộc của đời sống phương Đông), Phạm Quỳnh nhận thấy sự quan trọng của việc giáo dục đàn bà con gái. Sự mở mang giáo dục đàn bà con gái, theo đó, trước hết là giúp cho họ thành nhân, sau nữa là nhờ vào sự hoàn thiện của họ, mà con người hạnh phúc, xã hội hài hòa, đất nước phát triển. Song trong việc giáo dục đàn bà con gái, Phạm Quỳnh vẫn nhấn mạnh vào việc phải “tùy theo cái thiên chức” của họ thì “mới là phải đường, mới là hợp nễ vậy”, khiến cho quan niệm về nữ học của ông vẫn được đặt trong phạm vi của nam quyền, bị thống trị bởi nam quyền. Tất nhiên, ngay vào lúc mà nữ quyền mới nhen nhóm trong thế giới phương Tây, khó đòi hỏi một quan điểm mang tính cách mạng của Phạm Quỳnh. Ấy là chưa kể đến thực tế nước ta, như Phạm Quỳnh cũng đã chỉ ra, sự giáo dục đàn bà con gái “trước chưa có cơ sở, nay nhất thiết phải gây dựng cả, phải định mục đích sự học, nghĩ phương pháp nên theo, lượng kết quả về sau, đo ảnh hưởng bây giờ; nói rút lại thì phải xét xem nước ta hiện nay cần người đàn bà có tư cách như thế nào, mà phải dạy học ra làm sao cho có thể gây được cái tư cách như thế” (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.211). Vì thế, Phạm Quỳnh cũng khiêm tốn mà nhận “không dám tự phụ giải được cái vấn đề nhón nhao và quan trọng ấy” để “chỉ xin thiết đại khái ra như thế và nhân bày thêm mấy ý kiến riêng”. Tuy vậy, “ý kiến riêng” của Phạm Quỳnh ở đây đáng được xem như một hoạch định chính sách về vấn đề nữ học nói riêng và vấn đề phụ nữ nói chung rất đáng được chú ý.

Thứ nhất, về đối tượng có thể tham gia giáo dục, theo Phạm Quỳnh, xét hiện

tình trong nước “những đàn bà con gái có thể [tổ chức để] dạy học được là thuộc về hạng thượng lưu, trung lưu trong xã hội”. Trong hai hạng ấy, hạng thượng lưu “gồm những nhà gia thế cự tộc, những bậc quan tước, cùng đại đế những nhà giàu sang nền nếp, không bị bách về đường doanh nghiệp mà có thể lưu tâm về sự học được nhiều” và “một hạng người khác xuất thân hàn vi mà gặp thời gặp vận gây dựng nên cơ đồ nhớn, giúp cho cuộc kinh tế trong nước được thêm thịnh vượng” (tức những nhà tư bản dân tộc mới nổi, được Phạm Quỳnh xem tương đương bậc cao đẳng trung lưu (*haute bourgeoisie*) bên Âu châu). Ở hạng này, họ đều đã quá tuổi để học, nhưng vì thế mà càng “hết sức mà chăm chút cho sự giáo dục các con”. Hạng trung lưu thì gồm những gia đình mà “gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung” như nhà Vương viên ngoại được Nguyễn Du miêu tả trong *Truyện Kiều*. Hạng này “không giàu không nghèo” nhưng “dư sức cho con đi học” dù chỉ “coi sự học là một cái vốn về sau mà vụ đường thực lợi”. Song điều quan trọng là, hạng này chiếm số đông hơn cả, cùng với các đức tính “chăm chỉ cần mẫn, ham đường tiến thủ”, sự học sẽ khiến họ thành “gốc của nước” và theo đó, “nước giàu dân mạnh cũng là nhờ công phu tài trí” của họ (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.211-212).

Thứ hai, về phương pháp, “việc giáo dục đàn bà con gái phải tùy cái vị trí trong xã hội mà xếp đặt”. Bởi, trong quan niệm của Phạm Quỳnh, nam học và nữ học có mục đích khác nhau. Giáo dục đàn ông con trai là để đào tạo nhân tài trong khi giáo dục đàn bà con gái “thì là chủ nhất gây lấy cái nhân cách hợp với tình thế trong xã hội”. Xã hội có đẳng cấp

thì sự giáo dục cũng phải theo đẳng cấp mà hoạt động. Vì khác với nam giới, “cậu ấm con quan lớn hay anh cả con bà hai, nếu có tư cách tốt cũng có thể tiến đạt bằng nhau mà cùng làm nên sự nghiệp hay”; với nữ giới, “cô chiêu sinh nơi phú quý với chị mỗ đẻ chốn bán buôn thì cái cảnh ngộ đã khác, sự học hành cũng không thể giống nhau được” (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.212).

Thứ ba, về ngôn ngữ và nội dung học tập, thì với Phạm Quỳnh, sự giáo dục đàn bà con gái “quyết phải học chữ quốc ngữ, không những học để biết đọc biết viết mà thôi đâu, phải học cho đến làm được thơ được văn bằng quốc âm”; nội dung học thì phân theo đẳng cấp mà dựng chương trình. Ở chỗ này Phạm Quỳnh có sự phân biệt rất rõ ràng: “thượng lưu nên chuyên trọng bề văn nghệ, nhưng không phải là nhãng bỏ được mặt thực học. Toán pháp, cách trí, vệ sinh, địa dư, lịch sử, đều là những môn học thiết yếu cả... Lại các món nữ công khác như khâu thùa, làm bánh, kết hoa, v.v... cũng nên thông hiểu cả. Còn nghề đàn nghề vẽ là những nghề tài hoa, học được rất nên dụng tâm”. Với tất cả những điều đó, “nên dùng quốc ngữ mà dạy những điều phổ thông phải biết”. Ngoài ra, với những người con gái có tư chất thông minh muốn học cao lên nữa, thì có thể học thêm Hán học, Pháp học, “nhưng Pháp học không cần cho người con gái bằng Hán học”. Học được bằng ấy thứ, cái học thức như thế “cũng là đủ làm một người đàn bà thượng lưu trong xã hội ta”. Phạm Quỳnh còn tin tưởng rằng “ngày nay nếu những người con gái trong bậc thượng lưu nước ta, vào khoảng mười tám, hai mươi tuổi, mà đều có cái học thức như ta kể trên kia, thì trong xã hội ta thực là nảy được một cái tia sáng

mới, một cái hương thơm lạ ở nơi khuê các, chôn gia đình vậy. Dân ta cũng nhờ đấy mà bước được một bước to lên con đường văn minh tiến bộ”. Đây là sự giáo dục đối với đàn bà con gái bậc thượng lưu, vốn “không chủ một cái mục đích cận lợi gì, chỉ vụ gây dựng nhân cách”. Ngược lại, “sự giáo dục đàn bà con gái bọn trung lưu, ngoài việc gây dựng nhân cách, còn phải chủ sự thực lợi nữa”. Cùng “lấy quốc văn làm cốt”, nhưng bọn trung lưu “bề văn nghệ không phải chuyên trọng bằng đường thực học thực nghiệp. Nên dạy cho biết các khoa phổ thông bằng quốc ngữ, lại chú trọng về các nữ công, như vá may, thêu thùa, đan dệt, v.v... Có một khoa cũng cần lắm là học giữ sổ sách buôn bán, tính toán tiền nong đồ hàng, vì phần nhiều con gái bậc trung lưu là con nhà buôn bán cả, nếu biết những điều yếu cần ấy có thể giúp cho cha mẹ và có ích cho nghề nghiệp mình về sau”. Khi đã học được những thứ cơ bản như thế, đàn bà con gái bậc trung lưu “không cần học chữ Hán là món trang điểm cho bậc thượng lưu” để “có thể bắt đầu học chữ Pháp được”, dù rằng cái học đó chỉ cần “giản dị, đủ viết được nói được mà thôi, nghĩa là để về sau trong khi buôn bán có thể trực tiếp mà giao thiệp với người Tây được” (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.212-215).

Với một chương trình được định ra như thế, Phạm Quỳnh hi vọng có thể thi hành được trong đời sống hàng ngày. Đối với bậc trung lưu, Phạm Quỳnh đề nghị chỉ cần “cải lương các trường nữ học của nhà nước” theo hướng “nên dạy nhiều chữ quốc ngữ, mà chữ Pháp thì dùng cách trực tiếp giản dị mà dạy, cốt cho chóng biết tiếng là đủ, lại chuyên trọng về các môn thực nghiệp thiết yếu và có ích lợi”. Đối với bậc thượng lưu, theo Phạm Quỳnh,

“thiết tưởng chỉ có một cách, là lập ra một nhà ‘Nữ học viện’ riêng để chuyên dạy những con gái bậc thượng lưu. Gọi ‘học viện’, không gọi là ‘học đường’, là có ý biểu cái tính cách đặc biệt, không giống các trường khác” (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.215).

Có thể nói, trong bài viết “Bàn về sự giáo dục đàn bà con gái”, Phạm Quỳnh đã trình bày một cách đầy đủ và hệ thống về vấn đề nữ học, từ lí do dẫn tới việc cần gây dựng nền nữ học, mục đích, nội dung, chương trình và đề xuất các giải pháp để việc giáo dục đàn bà con gái trở nên khả thi. Tuy vậy, Phạm Quỳnh cũng lường trước được đây là việc khó, thậm chí “chẳng qua là một mộng tưởng mà thôi, chưa có thể một mai mà thực hành ngay được”. Bởi vào lúc ông đề xuất việc nữ học, “nước ta chưa thành nữ giới như các nước; đàn bà con gái chưa có một cuộc ‘giao tế’ chung, xưa nay thường ai ở nhà này, không hay có dịp đi lại giao thiệp với nhau mà nghĩ đến những điều ích lợi chung. Lại thêm phong tục có điều chặt chẽ, bó buộc người đàn bà, không được tự di cử chi”. Bấy nhiêu cái khó khăn đó ngăn trở sự hình thành và phát triển của nữ học, nhưng Phạm Quỳnh tin rằng, đâu chỉ là mộng tưởng nhưng nếu nó “khiến được những bậc trí thức trong nước chú ý vào cái vấn đề giáo dục này thì tưởng cũng là một cái mộng tưởng có ích vậy” (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.217).

Sau bài viết này, Phạm Quỳnh còn cho đăng tải một số bài viết liên quan đến vấn đề nữ học, như của Trịnh Thu Tâm (*NPTC*, số 11 (5/1918), tr.319-320; bài “Luận về đàn bà con gái nước ta với sự học và văn chương”), Nguyễn Đình Ty (*NPTC*, số 23 (5/1919), tr.397-399; bài “Bàn sự học con gái bây giờ nên

thế nào”), Vũ Ngọc Liễn (*NPTC*, số 29 (11/1919), tr.452-453; bài “Bàn về nữ học nước ta”);... Và bên cạnh việc đăng các bài dịch bản bạc về vấn đề giáo dục phụ nữ và nhi đồng, như bài dịch từ sách Tàu của Phan Khôi (*NPTC*, số 20 (2/1919), tr.114-117; bài “Bàn về sự giáo dục trong gia đình”), Nguyễn Bá Học (*NPTC*, số 35 (5/1920), tr.409-419; bài “Sự giáo dục trong gia đình”),... Phạm Quỳnh cũng tự dịch từ Pháp văn các bài viết về chủ đề này, như bài của P. Janet (*NPTC*, số 46 (4/1921), tr.304-307; bài “Về sự giáo dục đàn bà”), của H. Marison (*NPTC*, số 49 (7/1921), tr.1-5; bài “Về sự giáo dục đàn bà con gái”),... để rộng đường cho bạn đọc tham khảo. Mặt khác, trong khi giao thiệp hay thư từ với cộng tác viên, ông cũng đưa vấn đề nữ học ra để thảo luận. Có lẽ vì điều đó mà vấn đề nữ học được Phạm Quỳnh khởi xướng đã được dư luận chú ý hơn. Trên *Nam Phong tạp chí*, nhân một câu hỏi của Phạm Quỳnh, rằng “đàn bà con gái nước ta có nên học mới không”, đã thấy có ý kiến hưởng ứng của Nguyễn Bá Học (*NPTC*, số 40 (10/1920), tr.322-224; bài “Thư trả lời ông chủ bút *Nam Phong* về vấn đề nữ học”) và Đạm Phương nữ sử (*NPTC*, số 43 (1/1921), tr.66-68; bài “Vấn đề nữ học”), người phản đối, kẻ đồng tình, khiến cho dư luận về vấn đề nữ học có thêm phần sôi nổi.

“Địa vị người đàn bà trong xã hội nước ta”

Bẵng đi mấy năm, đến tháng 4/1924, Phạm Quỳnh công bố bài viết quan trọng thứ hai về vấn đề phụ nữ: “Địa vị người đàn bà trong xã hội nước ta” (*NPTC*, số 82 (4/1924), tr.269-284). Nguyên ủy đây là bài Phạm Quỳnh diễn thuyết tại Hội Khai trí Tiến đức Hà Nội ngày 4/5/1924 sau khi

Đại hội đồng thường niên và tiệc tháng của Hội! “Tập kỷ yếu của Hội Khai trí Tiến đức” đăng trên *Nam Phong tạp chí* cùng số này có ghi lại:

“Tiệc xong, 9 giờ, có diễn thuyết. Ông Phạm Quỳnh, chủ bút *Nam Phong tạp chí*, Tổng Thư ký Hội diễn về vấn đề: “Địa vị người đàn bà trong xã hội nước ta”.

Cuộc diễn thuyết đặt ở giữa sân Hội, cho dung được nhiều người. Vừa hội viên ở Hà Nội và ở các tỉnh, vừa gia quyến các hội viên, vừa người trong thành phố, đến nghe có tới bốn năm trăm người, đứng chật cả sân, lại cả hai bên gác sân nữa, và non nửa là nữ giới. Cuộc diễn thuyết này là cuộc thứ nhất có các bà các cô đến nghe, tưởng cũng là một ngày đáng ghi trong lịch sử của Hội ta, và trong lịch sử nghề diễn thuyết ở nước ta - Chủ tọa cuộc diễn thuyết là bà lớn Thiếu Hoàng Trọng Phu². (*NPTC*, số 82 (4/1924), tr.353-354; tin “Tiệc tháng và diễn thuyết”).

Mở đầu bài viết/ diễn thuyết, Phạm Quỳnh cho biết rõ vấn đề ông định bàn bạc ở đây là địa vị người đàn bà trong xã hội nước ta. Theo đó, những vấn đề sẽ được ông thảo luận ở đây là “địa vị ấy ngày xưa thế nào, hiện nay thế nào, về sau này thế nào? Sự giáo dục đàn bà con gái nên thế nào cho xứng đáng với địa vị trong xã hội? Người đàn bà có thể giúp cho sự tiến hóa của quốc dân không? Giúp ra thế nào?”

¹ Thời gian này, *Nam Phong tạp chí* thường ra muộn so với định kỳ. Tuy báo ghi số thuộc về tháng 4/1924, nhưng thực tế sang tháng 5-6 báo mới in xong. Vì thế mà các sự kiện có thể diễn ra vào tháng 5 nhưng vẫn được thông tin trong mục “Thời đàm” cho tờ báo có tính thời sự, chứ không phải do nhầm lẫn khi in ấn.

² Bà Thái tử Thiếu bảo Hà Đông Tổng đốc Hoàng Trọng Phu phu nhân.

Theo ông, “bấy nhiêu điều muốn giảng cho kỹ, phải đến mấy buổi diễn thuyết mới xong”. Vì thế ở đây, ông mới chỉ “gọi là bàn qua, cốt để mời các ngài lưu tâm nghĩ đến những vấn đề quan trọng đó” (*NPTC*, số 82 (4/1924), tr.269).

Dường như cho đến lúc này, Phạm Quỳnh vẫn còn hết sức tâm đắc với bài luận “Sự giáo dục đàn bà con gái” được ông công bố ngay từ những số đầu *Nam Phong tạp chí* (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.207-221). Trong buổi diễn thuyết lần này, Phạm Quỳnh đã nhắc lại “đoạn đầu bàn rộng về địa vị người đàn bà” trong bài viết cũ. Dừng lại ở chỗ bàn đến vấn đề “thiên chức của người phụ nữ”, ông nói thêm “thiên chức ấy, dầu nước nọ sang nước kia, đời này qua đời khác, có khi ức khi dương, lúc hiện lúc hồi, mà bao giờ cũng in sâu trong tâm lý, trong tính tình người đàn bà”. Ông cho rằng “nước nào biết dành cho người đàn bà cái địa vị xứng đáng với thiên chức ấy, là nước ấy đứng vào bậc cao trong trình độ văn minh; nước nào hạn chế cho thiên chức ấy không thi hành được hoàn toàn là nước ấy văn minh hãy còn kém” (*NPTC*, số 82 (4/1924), tr.271). Từ quan niệm ấy, ông soi chiếu vào lịch sử để xem “nước ta ngày xưa đối đãi với người đàn bà thế nào?”

Phạm Quỳnh cho rằng, “người đàn bà nước ta từ xưa vẫn được một địa vị xứng đáng trong xã hội, mà cũng không bao giờ phụ tiếng gái lành, vợ hiền, mẹ từ, là gương tốt nghìn năm của bọn nữ lưu”. Người đàn bà có công đức từ trong gia đình tới ngoài xã hội. Phạm Quỳnh cũng nhận thấy “đàn ông ta ngày xưa không phải là không biết, không cảm, không trọng, không phục” công đức ấy nhưng vì ngấm quá sâu, tin quá kỹ vào thuyết “âm

dương”, “cương nhu” nên việc trong việc nhìn nhận và đối đãi đàn bà, họ thường dựa vào đó cả. Theo đó, đàn bà “không có tư cách tự trị tự chủ” đã đành mà trong việc giáo hóa thì “cũng không cần phải học vấn giáo dục cho lắm”. Soi khắp kinh sách, Phạm Quỳnh chỉ thấy “phép dạy dỗ đàn bà con gái là gồm trong mấy thiên *Nữ huấn, Nữ giới, Nữ tặc*”, những cuốn sách vừa lẩn thẩn về mặt nội dung vừa tẻ nhạt về mặt nghệ thuật truyền đạt. Khi “chịu khó đọc lại mấy tập văn chương” giáo dục đàn bà con gái đó, Phạm Quỳnh thậm chí nhận thấy chúng “thật không khác gì những thẻ lệ của sở cảnh sát, từ đầu chí cuối chỉ suốt những điều nghiêm cấm cả, như giam người đàn bà vào trong cái lưới luật lệ, không còn để cho một chút tự do nào nữa” (*NPTC*, số 82 (4/1924), tr.272). Song dầu vậy mặc lòng, người đàn bà nước Nam vẫn vươn lên, nhẫn nhục bao dung mà tích công góp đức, bất luận việc mình bị ngược đãi thế nào. Không phải sách vở giáo huấn rèn tập nên họ như thế, mà theo Phạm Quỳnh, đó là do “cái sức huân đảo của phong tục, của xã hội” (*NPTC*, số 82 (4/1924), tr.275). Người phụ nữ trưởng thành không phải qua sự truyền dạy của đàn ông đã được điển lệ hóa trong thơ văn, mà qua những cách ngôn, những tục ngữ ca dao được truyền tụng ngấm nga trong dân gian.

Dành sự quan tâm đến người phụ nữ bình dân, nơi mà sự huân đảo của phong tục và xã hội cho thấy rõ nhất tác động của nó tới phẩm hạnh người phụ nữ, Phạm Quỳnh cho rằng chính “hạng đàn bà bình thường” này đã xây nên cái “gốc trong xã hội. Các cô đồ, chị khóa, bà công, bà nghề, cho chí người làm ruộng, hái dâu, chăn tằm, dệt cửi, đều ở đó mà ra. Gia đình ta được bền chặt, xã hội ta được vững vàng, là nhờ

công đức những bậc hiền phụ đó” (NPTC, số 82 (4/1924), tr.275). Với người đàn bà bình thường là vậy, họ có một cuộc sống bình ổn, bình ổn đến cả những mong ước, khát khao, nên họ không gặp những trắc trở trong đời. Trái lại, người đàn bà thượng lưu, “hào hoa, lỗi lạc, phong nhã, tài tình” trong xã hội xưa lại thường mang phận hẩm hiu. Bởi theo Phạm Quỳnh, “xét ra xã hội nước ta không biết ưu đãi kẻ gái tài”, nó khiến cho mỗi khi người gái tài “muốn ra thì thố với đời để cầu lấy chút hạnh phúc ở đời, thì người nào cũng gặp cái cảnh ‘chữ tài chữ mệnh ghét nhau’, người nào cũng thấy ‘hồng nhan bạc mệnh’ cả”. Cũng có người tài nữ dám vươn lên chống lại lễ thói, thách thức số mệnh như cô Hồ Xuân Hương. Nhưng rốt cuộc, trong mắt Phạm Quỳnh, cô cũng chỉ trở thành “một kẻ hy sinh cho cái xã hội khát khe này” (NPTC, số 82 (4/1924), tr.277).

Sau khi xét lại thân phận người đàn bà nước Nam trong lịch sử, Phạm Quỳnh soi vào địa vị của họ trong hiện tại. Ông nhận thấy “từ ngày tiếp xúc văn minh mới, tình cảnh người đàn bà đã thấy có thay đổi” nhưng đó chỉ là “ở nơi thành thị, chứ ở chốn nhà quê phần nhiều vẫn còn theo tục cũ”. Thậm chí, “nói cho đáng ta thì hiện nay chỉ mới có một số ít các cô hoặc theo học mới, hoặc buôn bán giao thiệp theo lối mới, là hơi có nhiễm một ít thói cách duy tân mà thôi; còn phần nhiều các bà các cô bây giờ vẫn còn là người cũ cả, duy sinh trưởng ở trong một xã hội đương thay đổi, cũng có gián tiếp chịu ảnh hưởng được ít nhiều” (NPTC, số 82 (4/1924), tr.277). Trên thực tế thì Phạm Quỳnh nhận thấy sự đối đãi của đàn ông với đàn bà - nhờ tập nhiễm văn minh Âu Tây - là có nhiều thay đổi hơn, biết săn sóc trân trọng người đàn bà hơn. Phạm

Quỳnh đưa ra ví dụ về việc người đàn ông biết chăm nom vợ khi thai sản chẳng hạn, và lấy đó làm tiêu biểu cho “sự tiến bộ to trong phong tục nước nhà về cách đàn ông đối đãi với đàn bà”. Sự tăng tiến trong địa vị người phụ nữ còn do người đàn ông thời nay chủ động hơn trong việc ganh đua phấn đấu với đời, khiến cho đàn bà không phải còng lưng gánh vác việc nhà một mình như trước, như cái thuở các ông chỉ dài lưng tốn vải, ăn no nằm dài, nhêu ngao cho qua ngày suốt tháng. Đối lại, cuộc đời mới cũng đem lại vận hội mới cho người phụ nữ, nhất là với những người hăng hái trên đường kinh tế. Phạm Quỳnh ghi nhận điều đó, nhưng lấy tư cách nam giới, ông vẫn mong muốn được thấy ở họ “những tư cách nhu mì yếu điệu hơn một chút, hợp với tâm lý người đàn bà và hơn”. Lấy góc nhìn luân lý làm chủ, Phạm Quỳnh nhận thấy những nét xấu của phụ nữ đã kịp nảy sinh, ông “không kỳ sỗ sàng” mà nêu ra trước cử tọa là phụ nữ, như “tính *hợm*, tính *hống*, tính *dởm*”. Song, ông vẫn tin rằng đó chỉ là những điều thoáng qua, bởi:

“Cứ bình tĩnh mà nói, xã hội ta đương buổi giao thời, đàn ông cũng còn lắm người bác tạp, đàn bà lấy đâu được nhiều kẻ thuần lương. Và lại, sự tự do cũng như thứ rượu mạnh, mới uống vào nó hay say. Đàn bà ta xưa bị hạn chế nghiêm, nay nhờ phong hội mở mang, đã được thông dong hơn trước; lại nhờ sự giáo dục mới, cách doanh nghiệp mới, kiếm được đồng tiền, người thì làm cô giáo cô đỡ, người thì bán mũ đầm ‘đăng-ten’, mỗi người có nghiệp riêng, không phải lụy ai, mà có lẽ có người phải lụy mình; nhiều khi nghĩ đến thân phận, không khỏi tự cao,... Nhưng cái say đó là say nhất thời mà thôi. Đàn bà nước Nam ta có tính chất tốt, tất cũng sớm tỉnh

được ngay, không phải lo gì.” (NPTC, số 82 (4/1924), tr.279-280)

Như để hỗ trợ cho bài diễn thuyết về địa vị người đàn bà trong xã hội Việt Nam của Phạm Quỳnh, không lâu sau đó, *Nam Phong tạp chí* cũng đăng tải một bài viết cùng chủ đề, thông tin về “địa vị người đàn bà ở Nhật Bản” (NPTC, số 87 (9/1924), tr.272), ngay sau một loạt các bài viết về *Truyện Kiều* nhân lễ giỗ cụ Tiên Điền, cuộc kỉ niệm mà nhờ đó giúp Phạm Quỳnh xiển dương *Truyện Kiều* như là quốc túy, là kinh là truyện, là Thánh thư Phúc âm của dân tộc, mở ra một cuộc tranh luận quyết liệt về việc trưng dụng *Truyện Kiều* bởi các trí thức bản xứ theo đuổi các khuynh hướng chính trị khác nhau [xem thêm 2, tr.61-70]. Tròn một năm sau buổi diễn thuyết quan trọng của Phạm Quỳnh, ngày 9/4/1925, Phạm Trọng Thiệu lại đẩy thêm một bước nữa trong việc thảo luận về địa vị người phụ nữ khi đăng đàn diễn thuyết tại Hội Khai trí Tiến đức về “nữ quyền ở nước Nam”, trong đó nhấn mạnh vào “địa vị người đàn bà, theo phong tục, theo luật pháp” (NPTC, số 93 (4/1925), tr.227-237). Việc Hội Khai trí Tiến đức tổ chức những buổi thuyết trình về vấn đề phụ nữ và *Nam Phong tạp chí* đăng tải những bài diễn thuyết này dường như mang hàm ý chuẩn thuận cho sự hiện diện của trí thức về phụ nữ trong đời sống trí thức tinh hoa bản xứ, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự phổ biến của vấn đề phụ nữ ở Việt Nam lúc này. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà khi bà Đạm Phương sáng lập Nữ công học hội ở Huế (6/1926), *Nam Phong tạp chí* đã “vui lòng giới thiệu” tổ chức này (NPTC, số 106 (6/1926), tr.514). Theo đó, có thể nói, từ chỗ chấp nhận địa vị cần có của đàn bà đến việc xiển dương hoạt động và tổ chức của họ trong buổi đời mới, Phạm

Quỳnh đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phong trào phụ nữ Việt Nam lúc bấy giờ.

Diễn mẫu về người phụ nữ Việt Nam mới

Đặt niềm tin vào đức hạnh của người đàn bà và nước Nam xưa và nay, Phạm Quỳnh cũng hy vọng vào tương lai xán lạn của người đàn bà nước Nam trong tương lai. Trong bài diễn thuyết về địa vị người phụ nữ trong xã hội Việt Nam, Phạm Quỳnh vẽ ra viễn cảnh huy hoàng của một cô gái mà ông gọi là Tuyết Nương, một người phụ nữ tiêu biểu cho “hình ảnh một người gái lành vợ hiền ở nước Nam sau này”. Cô Tuyết Nương ấy xinh đẹp, nhu thuận, giỏi giang là một lẽ; nhưng lẽ quan trọng hơn, cô ấy quan tâm đến thời thế và có tư tưởng về xã hội. Trong suy tư của cô,

“Làm thân người đàn bà ở đời này, làm thân người đàn bà ở nước Nam này, coi vậy cái gánh vác cũng nặng thay, bôn phận cũng quan hệ, phận sự cũng lớn lao, chứ chẳng vừa. Cớ sao mà chị em gái ta cứ cam chịu cái thân phận kém hèn trong bấy lâu? Bởi vì không biết nhận chân cái địa vị của mình trong xã hội. Bạn gái ta cũng là một nửa phần trong quốc dân. Nếu nước nhà thịnh suy, đũa sắt phu còn có trách, thời kẻ phụ nữ há không có trách hay sao? Song cái trách nhiệm của ta, có khác trách nhiệm của bọn nam nhi. Đàn ông họ đứng mũi chịu sào thời chị em mình cũng tay chèo tay lái. Phàm đại sự mình phải giúp cho họ làm nên; nhưng có nhiều việc họ không thể hỏi cố đến được, thời đó là chuyên trách của bọn mình. Thứ nhất là việc gia đình. Gia đình là cái thế giới của bọn đàn bà mình, là cái vũ trụ của chị em gái mình; trong thế giới đó, mình là bậc chủ nhân, trong vũ trụ đó mình là

tay tạo hóa. Cho đàn ông họ tài giỏi trăm nghìn phần, vào đến cái tiêu thiên địa ấy, là họ phải phụng sự mình như bậc thần tiên. Nhưng mình phải biết lợi dụng cái thể lực đó để mưu sự hạnh phúc chung, chớ nên như ai lơ đễnh cho mất cả uy quyền cùng danh giá...” (NPTC, số 82 (4/1924), tr.282)

Tất nhiên, theo quy luật, người con gái tài đức gồm toàn như thế sẽ gặp được đức lang quân như ý. Phạm Quỳnh vẽ tiếp cái viễn cảnh của Tuyết Nương, khi gia thất đã yên bề đằm ấm, lúc ấy cô mới “nghĩ thi hành cái chí bình sinh, muốn lấy tài trí một người đàn bà hoán cải phong tục cả một xã hội”. Cô “trước hết gây ra một chốn gia đình có thể làm gương cho các gia đình trong nước”. Rồi cô “chủ trương các cuộc từ thiện cứu tế trong xã hội”. Cô còn “đặt ra ở nhà riêng một hội ‘sa-lông’ để tiếp các bậc danh sĩ đương thời như các sa-lông ở nước Pháp về thế kỷ thứ 17 và 18”. Trong cái sa-lông tiếp khách hàng tuần ấy, cô trở thành bà mệnh phụ “lấy cái trí linh lợi hoạt bát, lấy cái tài lịch thiệp khôn ngoan, lại lấy một tấm lòng tất nhiệt thành về giống nòi, về tổ quốc, mà điều hòa mọi người, cảm hóa hết thảy”. Vì tất cả những sự hiển đạt ấy, cô và hội sa-lông của cô “có một cái địa vị và một cái ảnh hưởng rất to”, được ghi vào trong sử sách chép về “cuộc tiến hóa của dân tộc Việt Nam về tiền bán thế kỷ 20” (NPTC, số 82 (4/1924), tr.280-283).

Vẽ ra viễn cảnh rực rỡ của cô Tuyết Nương, Phạm Quỳnh đặt hi vọng vào bậc đàn bà thượng lưu trong nước, xem họ là tấm gương, người lãnh đạo, dẫn dắt phụ nữ Việt Nam tấn tới. Vì thế, kết thúc bài diễn thuyết, một lần nữa Phạm Quỳnh nhắc lại ý tưởng thành lập “nữ học viện” mà ông đề xuất khi trước. Song lần này

ông chỉ rõ hơn, cái học viện đó “nên đặt tên là *Phong Nhã học viện*, có ý bắt chước như nhà *Université des Annales* ở bên Pháp” (NPTC, số 82 (4/1924), tr.284). Nhưng phát triển thêm quan điểm từ bài viết trước, đến bài viết này, Phạm Quỳnh nhấn mạnh hơn tầm quan trọng của việc đặt ra và thảo luận về vấn đề phụ nữ, không chỉ bởi nó đem lại ích lợi cho giới nữ mà nó còn liên quan chặt chẽ đến tiền đồ dân tộc. Đó cũng là ý tưởng cuối cùng được Phạm Quỳnh nêu ra đề tạo dư âm cho bài viết/ diễn thuyết. Bởi trong quan niệm của ông, vấn đề phụ nữ “ở nước ta tuy chưa xuất hiện ra một cách kịch liệt như ở các nước, nhưng kẻ thức giả cũng phải lưu ý đến, vì sớm trưa tất có ngày phải giải quyết, và giải quyết ra thế nào thật có quan hệ một phần to đến vận mệnh nước nhà vậy” (NPTC, số 82 (4/1924), tr.284).

Chớ đến cuối những năm 1920, nhân dịp khai trương, báo *Phụ nữ tân văn* có tổ chức trưng cầu ý kiến của các danh nhân trong nước về vấn đề phụ nữ. Trong bài trả lời của Phạm Quỳnh, thêm một lần nữa ông xác nhận “vấn đề phụ nữ ở nước Nam ta ngày nay” là vấn đề ông “vẫn thường đề ý nghiên cứu đã lâu”. Bởi, trong suy nghĩ của ông “trong việc tổ chức ra cái tân xã hội Việt Nam sau này, người đàn bà con gái cũng có một phần trách nhiệm lớn, chẳng kém gì đàn ông con trai”. Theo đó, ông khẳng định “nay phải dự bị thể nào để cho đàn bà con gái nước Nam làm trọn được cái trách nhiệm lớn lao đó: đó là cáo vấn đề phụ nữ hiện bây giờ vậy” [7, tr.8]. Đặt vấn đề phụ nữ bên cạnh các vấn đề khác về chính trị, xã hội, luân lí,... Phạm Quỳnh nhận thấy hiện có hai xu hướng giải quyết, dựa trên quan điểm của phái thủ cựu và phái duy tân trong nước. Nhưng “theo ý

riêng” của ông thì, “hai phương diện đó đều là không đúng cả. Nền nếp cũ vẫn cố nhiên là nên bảo tồn, nhưng theo lẽ tiến hóa chung, cái cũ không thể giữ mãi được, cũng phải lần lần thay đổi cho hợp thời. Lẽ lối mới vẫn cố nhiên là nên bắt chước, nhưng bắt chước cũng phải có ý thức, biết kén chọn cái dở cái hay, chớ không cứ thấy mới là theo, nhưt đoán đoạn tuyệt quan hệ với tổ tiên đất nước mình. “Nói riêng về vấn đề phụ nữ thì việc cần cấp của chúng ta ngày nay là phải làm thế nào gây lấy một hạng phụ nữ chơn chánh, vừa giữ được cái cốt cách cũ của nước nhà mà lại vừa hấp thụ được cái tư tưởng mới về đời nay” [7, tr.8].

Trong hình dung của Phạm Quỳnh, “muốn giúp dễ gây lấy một hạng phụ nữ chơn chính” như thế, thì trước nhất “phải tưởng tượng ra hình ảnh một người phụ nữ ấy như thế nào để làm như cái kiểu mẫu nên noi theo”, sau đó “phải trừ nhĩ những phương pháp nên dùng để cho chung đúc được một hạng người như thế”. Và với suy nghĩ như thế, một lần nữa nhân cơ hội báo *Phụ nữ tân văn* phỏng vấn, Phạm Quỳnh muốn khuếch trương hình ảnh về một người con gái nước Nam mà ông muốn hướng đến - một người nữ “vừa kiêm được cả cái tinh thần cố quốc cùng với cái lý tưởng tân thời”, và một cách thức “có thể giúp cho việc giáo dục các bạn tân nữ lưu ta” - trường *Phong nhã học viện*, mà ông từng đề cập đến trong bài diễn thuyết được ông trình bày trong buổi diễn thuyết tại Hội Khai trí Tiến đức vào giữa năm 1924 (*NPTC*, số 82 (4/1924), tr.269-284; bài “Địa vị người đàn bà trong xã hội nước ta”). Phạm Quỳnh còn trích cả đoạn trước kia ông bàn về “hình ảnh một người con gái nước Nam vào khoảng 15, 20 năm sau này”, người con gái ông đặt tên là Tuyết Nương, “để cống hiến trên cái diễn

đàn mới của nữ giới nước ta lập ra là tập *Phụ nữ tân văn* này vậy”. Thậm chí, ông vẫn kiên tâm với những đề xuất về việc “giáo dục đàn bà con gái” được ông công bố trên *Nam Phong tạp chí* từ giữa năm 1917 (*NPTC*, số 4 (10/1917), tr.207-221; bài “Sự giáo dục đàn bà con gái”). Bởi trong quan sát và mong muốn của Phạm Quỳnh, “Tuy tự đó [1917, 1924] đến nay [1929] cái phong trào nữ lưu đã thấy nhóm lên ở trong nước (như Trung Kỳ có lập hội Nữ công [do bà Đạm Phương nữ sử sáng lập năm 1926]), nhưng mấy cái ý kiến thô thiển của tôi vừa thuật lại trên kia tưởng cũng chưa phải là đã cũ vậy.

Nay nhân báo *Phụ nữ tân văn* ra đời, tôi lại đem ra bàn góp mấy câu đó, mong rằng cái mộng tưởng của tôi về mười năm trước có lẽ nhờ một cái cơ quan ngôn luận có giá trị mà sẽ sắp đến ngày thiêt hành được chăng” [8, tr.10].

Như vậy là, một lần nữa, sau việc chủ động giới thiệu Nữ công học hội do bà Đạm Phương sáng lập và điều hành, Phạm Quỳnh tiếp tục đặt niềm tin và cổ vũ cho “cơ quan ngôn luận có giá trị” của phụ nữ, do phụ nữ tổ chức và điều hành, là tờ báo *Phụ nữ tân văn* của bà Nguyễn Đức Nhuận. Bất chấp việc *Nam Phong tạp chí* đăng tải một cách đa dạng, đa chiều, đa khuynh hướng các thảo luận về vấn đề phụ nữ, trong tư cách cá nhân, Phạm Quỳnh dường như luôn quán triệt quan điểm cần phải tạo dựng địa vị cho người phụ nữ và thúc đẩy phụ nữ thượng lưu trực tiếp đứng ra tổ chức tập hợp và đấu tranh cho quyền lợi và địa vị của phụ nữ. Mong muốn phụ nữ được giải phóng và tự xác lập địa vị xã hội, điều này có lẽ xuất phát từ sự tự tin và tự nhiệm của trí thức tinh hoa bản xứ trước các vấn đề của thời cuộc và đất nước, một tập hợp rất nhỏ ở thuộc địa mà

Phạm Quỳnh thuộc về. Bởi, còn gì hấp dẫn hơn hình dung về sự dốt lỏi của phụ nữ thượng lưu đối với phong trào giải phóng phụ nữ, và song trùng với ảnh tượng ấy, là vai trò dốt lỏi của trí thức tinh hoa bản xứ đối với phong trào giải phóng dân tộc.

Kết luận

Tóm lại, trong dự án quốc gia - dân tộc mà Phạm Quỳnh thiết kế, ông có dành cho vấn đề phụ nữ một vị thế rõ rệt. Phụ nữ giữ vai trò quan trọng không chỉ bởi họ là phân nửa quốc dân cần được tiếp cận và đào luyện văn hóa văn minh hiện đại, con đường duy nhất hướng tới phú dân cường quốc. Hơn thế, nhìn lại quá khứ dân tộc, Phạm Quỳnh đã nhận thấy và ghi nhận “công đức” của họ với gia đình và xã hội. Quốc gia không thể trường tồn, không thể gìn giữ được quốc hồn quốc túy nếu thiếu đi cái âm đức của người phụ nữ. Phạm Quỳnh khuyến khích đàn bà con gái học mới nhưng không được từ bỏ phẩm chất đáng quý của họ đã được ghi nhận suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Phạm Quỳnh cũng hi vọng vào sự dốt lỏi của một thiểu số phụ nữ thượng lưu trí thức. Trong các luận thuyết ông đề cập đến điều đó, trong cuộc đời thực ông cũng thi hành những quan niệm đó, mà việc ông tác động để bà quả phụ Sương Nguyệt Anh, con gái cụ Đồ Chiểu chấp nhận đứng ra điều hành tờ *Nữ giới chung* (1918), tờ báo đầu tiên của phụ nữ Việt Nam, hay vận động bà Đạm Phương nữ sử tham gia hoạt động báo chí và xã hội, trở thành nữ nhà báo hàng đầu của phụ nữ Việt Nam vào nửa đầu thế kỉ XX, là những ví dụ điển hình. Ngày nay, người ta có thể cho rằng việc còn nhấn mạnh vào “thiên chức” của phụ nữ và tầng lớp thượng lưu là một hạn chế trong quan điểm về phụ nữ của Phạm Quỳnh. Dầu vậy mặc lòng, Phạm Quỳnh vẫn có những

đóng góp quan trọng trong việc nhận thức và giải đáp về vấn đề phụ nữ, thúc đẩy nghiên cứu, khuyến khích nữ quyền.

Tài liệu tham khảo

- [1] Anderson, Benedict (2018), *Cộng đồng tưởng tượng. Nguồn gốc và sự lan truyền của chủ nghĩa dân tộc* (Luu Ngọc An dịch), Hiệp hội Việt Nam & Viện Nhân học Văn hóa, Hà Nội.
- [2] Đoàn Ánh Dương (2020), “Truyện Kiều của Nguyễn Du với các nhà dân tộc chủ nghĩa ở Việt Nam đầu thế kỷ 20”, *Nghiên cứu Văn học*, số 12 (12/2020), tr.61-70.
- [3] McHale, Shawn (1995), “Printing and Power: Vietnamese Debates over Women’s Place in Society, 1918-1934”, pp.173-194, in *Essays into Vietnamese Past* (Southeast Asia Program), (Ed. K. W. Taylor and John K. Whitmore), Cornell University, Ithaca, N.Y.
- [4] Marr, David (1976), “The 1920s Women’s Rights Debates in Vietnam”, *The Journal of Asian Studies*, Vol. 35, No. 3 (May, 1976), pp.371-389.
- [5] Marr, David (1981), *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945*, University of California Press, Berkeley.
- [6] Phụ nữ tân văn (1929), “Tổng luận về cuộc Trưng cầu ý kiến của Phụ nữ tân văn”, *Phụ nữ tân văn*, số 15 (8/8/1929), tr.5-7.
- [7] Phạm Quỳnh (1929), “Các danh nhơn trong nước đối với vấn đề phụ nữ ~ Cuộc trưng cầu ý kiến của *Phụ nữ tân văn*: Bài trả lời của ông Phạm Quỳnh [kỳ 1]”, *Phụ nữ tân văn*, số 6 (6/6/1929), tr.8-9.
- [8] Phạm Quỳnh (1929), “Các danh nhơn trong nước đối với vấn đề phụ nữ ~ Cuộc trưng cầu ý kiến của *Phụ nữ tân văn*: Bài trả lời của ông Phạm Quỳnh [kỳ 2 và hết]”, *Phụ nữ tân văn*, số 7 (13/6/1929), tr.9-10.
- [9] *Nam Phong tạp chí*, (sưu tập trọn bộ) DVD, Viện Việt học.
- [10] Hue-Tam Ho Tai (1992), “Daughters of Annam”, pp.88-113, in *Radicalism and the Origins of the Vietnamese Revolution*. Harvard University Press, Cambridge, Mass, and London.